

**ĐẠI HỌC HUẾ
TRƯỜNG ĐẠI HỌC LUẬT**



LÊ HÀ MINH HẢI

**GIẢI QUYẾT TRANH CHẤP HỢP ĐỒNG
MUA BÁN HÀNG HÓA THEO THỦ TỤC PHỨC THẨM TẠI
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH THỪA THIÊN HUẾ**

Chuyên ngành: Luật Kinh tế

Mã số: 8380107

TÓM TẮT LUẬN VĂN THẠC SĨ LUẬT HỌC

THỪA THIÊN HUẾ, năm 2020

Công trình được hoàn thành tại:

Trường Đại học Luật, Đại học Huế

Người hướng dẫn khoa học: **TS. Hoàng Thị Hải Yến**

Phản biện 1:

Phản biện 2:

Luận văn sẽ được bảo vệ trước Hội đồng chấm luận văn
thạc sĩ họp tại: Trường Đại học Luật

Vào lúc.....giờ.....ngày.....tháng năm.....

MỤC LỤC

LỜI MỞ ĐẦU	1
1. Tính cấp thiết của đề tài	1
2. Tình hình nghiên cứu	2
3. Mục đích, nhiệm vụ của Luận văn.....	3
4. Đối tượng và phạm vi nghiên cứu.....	3
5. Phương pháp nghiên cứu của Luận văn	4
6. Ý nghĩa khoa học và thực tiễn của đề tài:	4
7. Kết cấu của luận văn	4
CHƯƠNG 1. MỘT SỐ VẤN ĐỀ LÝ LUẬN CƠ BẢN VÀ PHÁP LUẬT VỀ GIẢI QUYẾT TRANH CHẤP HỢP ĐỒNG MUA BÁN HÀNG HOÁ THEO THỦ TỤC PHỨC THẨM TẠI TÒA ÁN	6
1.1. Khái quát chung về giải quyết tranh chấp hợp đồng mua bán hàng hóa theo thủ tục phúc thẩm tại Tòa án nhân dân.....	6
1.1.1. Khái niệm, đặc điểm tranh chấp hợp đồng mua bán hàng hoá	6
1.1.1.1. Khái niệm tranh chấp hợp đồng mua bán hàng hóa.....	6
1.1.1.2. Đặc điểm của tranh chấp hợp đồng mua bán hàng hóa	6
1.1.2. Khái niệm, đặc điểm, vai trò của giải quyết tranh chấp hợp đồng mua bán hàng hóa theo thủ tục phúc thẩm tại Tòa án nhân dân.....	7
1.1.2.1. Khái niệm giải quyết tranh chấp hợp đồng mua bán hàng hóa theo thủ tục phúc thẩm tại Tòa án nhân dân.....	7
1.1.2.2. Đặc điểm của giải quyết tranh chấp hợp đồng mua bán hàng hóa theo thủ tục phúc thẩm tại Tòa án nhân dân	8
1.1.2.3. Thẩm quyền xét xử phúc thẩm và quyền hạn của Hội đồng xét xử phúc thẩm	9
1.1.2.4. Vai trò của giải quyết tranh chấp hợp đồng mua bán hàng hóa theo thủ tục phúc thẩm tại Tòa án nhân dân:	9
1.1.3. So sánh việc giải quyết tranh chấp hợp đồng mua bán hàng hóa tại Tòa án với các hình thức giải quyết tranh chấp khác.....	10
1.1.4. So sánh việc xét xử tranh chấp hợp đồng mua bán hàng hóa theo thủ tục sơ thẩm với việc xét xử tranh chấp hợp đồng mua bán hàng hóa theo thủ tục phúc thẩm	11
1.2. Khái quát chung pháp luật về giải quyết tranh chấp hợp đồng mua bán hàng hóa theo thủ tục phúc thẩm tại Tòa án nhân dân.....	11
1.2.1. Khái niệm pháp luật về giải quyết tranh chấp hợp đồng mua bán hàng hóa theo thủ tục phúc thẩm tại Tòa án nhân dân	11
1.2.2. Vai trò của pháp luật giải quyết tranh chấp hợp đồng mua bán hàng hóa theo thủ tục phúc thẩm tại Tòa án nhân dân	12
1.2.3. Khung pháp luật điều chỉnh giải quyết tranh chấp và nội dung giải quyết tranh chấp hợp đồng mua bán hàng hóa theo thủ tục phúc thẩm tại Tòa án nhân dân	12

CHƯƠNG 2. THỰC TRẠNG PHÁP LUẬT VÀ THỰC TIỄN GIẢI QUYẾT TRANH CHẤP HỢP ĐỒNG MUA BÁN HÀNG HÓA THEO THỦ TỤC PHỨC THẨM TẠI TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH THỪA THIÊN HUẾ 13

2.1. Thực trạng pháp luật về giải quyết tranh chấp hợp đồng mua bán hàng hóa theo thủ tục phúc thẩm tại Tòa án nhân dân.....	13
2.1.1. Quy định của pháp luật về giải quyết tranh chấp hợp đồng mua bán hàng hóa theo thủ tục phúc thẩm tại Tòa án nhân dân.....	13
2.1.1.1. Quy định pháp luật về hợp đồng mua bán hàng hóa:.....	13
2.1.1.2. Quy định pháp luật về thủ tục giải quyết tranh chấp hợp đồng mua bán hàng hóa theo thủ tục phúc thẩm tại Tòa án nhân dân:.....	14
2.2. Thực tiễn giải quyết tranh chấp hợp đồng mua bán hàng hóa theo thủ tục phúc thẩm tại Tòa án nhân dân tỉnh Thừa Thiên Huế.....	16
2.2.1. Đánh giá chung tình hình giải quyết tranh chấp hợp đồng mua bán hàng hóa theo thủ tục phúc thẩm tại Tòa án nhân dân tỉnh Thừa Thiên Huế.....	16
2.2.2. Những vướng mắc, bất cập trong quá trình giải quyết các tranh chấp hợp đồng mua bán hàng hoá theo thủ tục phúc thẩm tại Tòa án nhân dân tỉnh Thừa Thiên Huế.....	17
2.2.2.1. Những vướng mắc, bất cập từ cơ cấu tổ chức của hệ thống Tòa án nhân dân nói chung.	17
2.2.2.2. Nhiều quy định của pháp luật còn chưa có sự thống nhất.	17
2.2.2.3. Những vướng mắc, bất cập về việc áp dụng các quy định của pháp luật về trình tự, thủ tục giải quyết tranh chấp hợp đồng mua bán.	18
2.2.2.4. Vấn đề bổ nhiệm Thẩm phán, năng lực cán bộ, Thẩm phán còn nhiều hạn chế.....	18
2.2.2.5. Cơ sở vật chất chưa đáp ứng được nhu cầu thực tế xét xử.	19
2.2.2.6. Án lệ chưa nhiều ảnh hưởng đến hiệu quả áp dụng giải quyết các tranh chấp hợp đồng mua bán hàng hóa	19

CHƯƠNG 3. ĐỊNH HƯỚNG, GIẢI PHÁP HOÀN THIỆN PHÁP LUẬT VÀ NÂNG CAO HIỆU QUẢ GIẢI QUYẾT TRANH CHẤP HỢP ĐỒNG MUA BÁN HÀNG HOÁ THEO THỦ TỤC PHỨC THẨM TẠI TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH THỪA THIÊN HUẾ..... 20

3.1. Định hướng hoàn thiện pháp luật và nâng cao hiệu quả giải quyết tranh chấp hợp đồng mua bán hàng hóa theo thủ tục phúc thẩm tại tỉnh Thừa Thiên Huế.....	20
3.2. Giải pháp hoàn thiện pháp luật và nâng cao hiệu quả giải quyết đối với các tranh chấp hợp đồng mua bán hàng hóa theo thủ tục phúc thẩm tại Tòa án nhân dân Tỉnh Thừa Thiên Huế.	20
3.2.1. Giải pháp hoàn thiện pháp luật về giải quyết tranh chấp hợp đồng mua bán hàng hóa theo thủ tục phúc thẩm tại Tòa án.....	20
3.2.2. Giải pháp về nâng cao hiệu quả tổ chức, thực hiện pháp luật về giải quyết tranh chấp hợp đồng mua bán hàng hóa tại Tòa án.....	21
3.2.2.1. Giải pháp chung.....	21
3.2.2.2. Giải pháp cho Tòa án nhân dân tỉnh Thừa Thiên Huế	21
PHẦN KẾT LUẬN.....	23

LỜI MỞ ĐẦU

1. Tính cấp thiết của đề tài

Hợp đồng mua bán hàng hóa là một trong những loại hợp đồng đặc trưng và phổ biến nhất trong hoạt động kinh doanh thương mại, là thỏa thuận của hai bên gồm bên mua và bên bán nhằm đạt được lợi ích mà các bên mong đợi khi thiết lập hợp đồng. Theo thời gian, hoạt động mua bán hàng hoá ngày càng phát triển đa dạng, nhiều sắc màu với sự tăng lên về số lượng hàng hoá, số lượng người tham gia kinh doanh. Ngày nay, mua bán hàng hoá không chỉ diễn ra giữa bên mua và bên bán trong nước mà phạm vi kinh doanh lan rộng ra phạm vi thế giới. Cùng với đó, các tranh chấp thương mại nói chung và hợp đồng mua bán hàng hoá nói riêng ngày càng gia tăng về số lượng cũng như sự phức tạp của từng vụ việc đòi hỏi phải có một hệ thống pháp luật điều chỉnh toàn diện cũng như cơ chế giải quyết nhanh gọn, làm sao để không ảnh hưởng đến uy tín của doanh nghiệp và hoạt động kinh doanh của các bên.

Pháp luật Việt Nam hiện nay quy định các hình thức giải quyết tranh chấp trong kinh doanh nói chung và đối với loại hợp đồng mua bán hàng hoá nói riêng gồm thương lượng, hoà giải, Trọng tài và Tòa án. Các bên được tự do thỏa thuận lựa chọn hình thức này hay hình thức khác để giải quyết tranh chấp theo quy định của pháp luật.

Ở Việt Nam, thẩm quyền xét xử vụ án theo thủ tục phúc thẩm do Tòa án nhân dân cấp tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương và Tòa án nhân dân cấp cao tại Hà Nội, Hà Nội và thành phố Hồ Chí Minh xét xử. Trong đó, Tòa án nhân dân cấp tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương có thẩm quyền giải quyết theo thủ tục phúc thẩm các tranh chấp hợp đồng mua bán hàng hoá quy định tại Khoản 3 Điều 26 Bộ Luật Tố tụng dân sự năm 2015 do Tòa án nhân dân cấp huyện đã giải quyết, xét xử theo thủ tục sơ thẩm có kháng cáo, kháng nghị. Như vậy, không phải tất cả các tranh chấp về hợp đồng mua bán hàng hoá đều được giải quyết ở các Tòa án nhân dân cấp tỉnh, nhưng tính chất của việc xét xử phúc thẩm này là hết sức quan trọng vì đây thường là những vụ án phức tạp, động chạm tới quyền lợi của nhiều chủ thể tham gia thị trường, vừa giải quyết về nội dung vụ án làm sao để việc xét xử được thuận lợi, không ảnh hưởng đến uy tín của các bên kinh doanh mà vẫn đảm bảo đúng các quy định của pháp luật, đồng thời giải quyết xem xét đến quá trình tiến hành tố tụng, xét xử của cấp sơ thẩm theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự, đây là điều quan trọng mà Nhà nước luôn yêu cầu các Thẩm phán tại Tòa án cấp phúc thẩm phải đặt lên hàng đầu.

Thừa Thiên Huế là vùng đất văn hiến, có bề dày lịch sử, văn hoá đặc sắc và truyền thống cách mạng vẻ vang. Là đô thị loại I, thành phố di sản văn hoá thế giới, thành phố Festival. Do đó, trong những năm gần đây đã thu hút nhiều nhà đầu tư trong và ngoài nước đến làm ăn, thực hiện các hoạt động mua bán hàng hoá với nhiều hình thức đa dạng. Tuy nhiên, quá trình thực hiện hợp đồng, có nhiều trường hợp các bên đã không thực hiện, hoặc thực hiện không đầy đủ quyền và nghĩa vụ, dẫn đến tranh chấp hợp đồng xảy ra và khởi kiện tại Tòa án. Sau khi Tòa án đã thụ lý, xét xử theo thủ tục sơ thẩm, các bên tranh chấp có kháng cáo hoặc Viện kiểm sát nhân dân có kháng nghị đối với bản án, quyết định, dẫn đến Tòa án phải xét xử lại theo thủ tục phúc thẩm.

Pháp luật Việt Nam hiện nay quy định khá đầy đủ về trình tự, thủ tục thụ lý và xét xử phúc thẩm đối với các loại tranh chấp trong đó có tranh chấp về hợp đồng mua bán hàng hoá. Tuy nhiên, để công tác giải quyết án phúc thẩm đối với các tranh chấp mua bán hàng hoá tại Tòa án nhân dân tỉnh Thừa Thiên Huế đạt được hiệu quả cao hơn nữa đòi hỏi phải có sự hoàn thiện về nhiều mặt, trong đó có việc hoàn thiện các quy định của pháp luật, về chính sách, về nguồn lực cán bộ, về điều kiện cơ sở vật chất.

Với các nội dung nêu trên, đề tài của học viên lựa chọn “*Giải quyết tranh chấp hợp đồng mua bán hàng hoá theo thủ tục phúc thẩm tại Tòa án nhân dân tỉnh Thừa Thiên Huế*” là cần thiết nghiên cứu, có ý nghĩa lý luận và thực tiễn.

2. Tình hình nghiên cứu

Trong quá trình thực hiện đề tài, tác giả có nghiên cứu những vấn đề lý luận và thực tiễn qua các tài liệu sau:

-Nhóm luận văn, luận án, đề tài khoa học: một số luận văn, luận án tiêu biểu:

Luận văn Thạc sĩ: “Giải quyết tranh chấp hợp đồng mua bán hàng hoá theo thủ tục sơ thẩm tại Tòa án nhân dân thành phố Hà Nội”- Trương Thị Hà, Trường Đại học Quốc gia Hà Nội, 2015. Mặc dù đây là công trình khoa học nghiên cứu một cách toàn diện và có hệ thống từ quy định của pháp luật đến thực trạng và các giải pháp nâng cao hoàn thiện việc giải quyết tranh chấp hợp đồng mua bán hàng hoá theo thủ tục sơ thẩm. Tuy nhiên luận văn này được nghiên cứu trước thời điểm Bộ luật Dân sự 2015, Bộ luật Tố tụng Dân sự 2015 và các văn bản hướng dẫn thi hành ra đời. Nên những khuyến nghị và giải pháp trong luận văn và một số đề xuất đã không còn phù hợp với tình hình hiện nay. Đồng thời luận văn chỉ nghiên cứu việc giải quyết tranh chấp theo cấp sơ thẩm chưa nghiên cứu thủ tục giải quyết tranh chấp theo cấp phúc thẩm.

Luận văn tốt nghiệp: “Giải quyết tranh chấp về hợp đồng trong luật Việt Nam”- Phạm Minh Giới, Trường Đại học Cần Thơ, 2008. Luận văn tập trung nghiên cứu pháp luật về hợp đồng nói chung và việc giải quyết tranh chấp hợp đồng kinh doanh, thương mại bằng con đường Tòa án. Đây là một công trình nghiên cứu về hợp đồng nói chung, luận văn là nguồn tác giả tham khảo đề hiểu rõ về hợp đồng trước khi nghiên cứu chuyên sâu về hợp đồng mua bán hàng hoá.

- Nhóm giáo trình, sách: Trong nhóm này phải kể đến một số giáo trình như: Giáo trình Luật Dân sự, Trường đại học Luật Hà Nội, Nxb Công an nhân dân, Hà Nội, 2000; Giáo trình Luật Dân sự, Trường đại học Luật thành phố Hồ Chí Minh; Tài liệu học tập Luật Dân sự, Khoa Luật - Đại học Huế, Nxb Thuận hóa, 2011. Về sách, hiện có một số sách chuyên khảo liên quan tới một số khía cạnh pháp lý về HĐ, như cuốn, “Pháp luật về hợp đồng” của TS. Nguyễn Mạnh Bách, Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội, 1995; “Chế định hợp đồng trong Bộ luật Dân sự Việt Nam” của TS. Nguyễn Ngọc Khánh, Nxb Tư pháp, Hà Nội, 2007; “Luật Hợp đồng Việt Nam - Bản án và Bình luận bản án”, của TS. Đỗ Văn Đại, Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội, 2008. Các tài liệu trên được tác giả tham khảo hoàn thiện về mặt lí luận của bài viết.

- Nhóm các bài báo, tạp chí chuyên ngành luật: Các bài nghiên cứu thuộc nhóm này được đề cập trên một số tạp chí như Tạp chí Cộng sản, Tạp chí Dân chủ & pháp luật, Báo Pháp luật Việt Nam. Trong đó có thể kể tới một số bài viết sau:

“Thủ tục giải quyết vụ án dân sự tại Tòa án cấp phúc thẩm”- Lê Minh, Báo Pháp luật điện tử Việt Nam, ngày 27/1/2017.

“Thủ tục kháng cáo, kháng nghị phúc thẩm theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015”- Vũ Hoàng Anh, Trang thông tin điện tử Tạp chí Dân chủ & Pháp luật, ngày 11/10/2018.

Tóm lại, với những phân tích nêu trên, có thể khẳng định từ khi có Bộ luật Dân sự 2015 và Bộ luật Tố tụng Dân sự 2015 và các văn bản hướng dẫn thi hành, thì cho đến nay, vẫn chưa có một công trình nghiên cứu chuyên biệt và toàn diện về vấn đề Giải quyết tranh chấp hợp đồng mua bán hàng hóa theo thủ tục phúc thẩm tại Tòa án nói chung và Tòa án nhân dân tỉnh Thừa Thiên Huế nói riêng. Kế thừa và phát huy kết quả nghiên cứu của các tác giả và xuất phát từ những lý do nêu trên, học viên chọn đề tài: “Giải quyết tranh chấp hợp đồng mua bán hàng hoá theo thủ tục sơ thẩm tại Tòa án nhân dân tỉnh Thừa Thiên Huế” để nghiên cứu.

3. Mục đích, nhiệm vụ của Luận văn

3.1. Mục đích của Luận văn

Mục đích nghiên cứu của luận văn là nghiên cứu các vấn đề lý luận, các quy định của pháp luật Việt Nam về việc xét xử các vụ án tranh chấp mua bán hàng hoá theo thủ tục phúc thẩm; phân tích thực trạng việc xét xử và đưa ra giải pháp nhằm nâng cao hiệu quả xét xử theo thủ tục phúc thẩm đối với loại tranh chấp này tại Tòa án nhân dân tỉnh Thừa Thiên Huế.

3.2. Nhiệm vụ của luận văn

Trên cơ sở mục đích nghiên cứu nói trên, luận văn sẽ tập trung giải quyết những nhiệm vụ sau: Luận văn tập trung nghiên cứu nhằm làm sáng tỏ những vấn đề lý luận chung về tranh chấp hợp đồng mua bán hàng hóa nói chung và giải quyết tranh chấp hợp đồng mua bán hàng hóa theo thủ tục phúc thẩm tại Tòa án nói riêng và quy định của pháp luật về vấn đề này. Trên cơ sở giải quyết những vấn đề về mặt lý luận, nghiên cứu pháp luật về giải quyết tranh chấp hợp đồng mua bán hàng hóa, thực tiễn việc giải quyết các tranh chấp về hợp đồng mua bán hàng hoá theo thủ tục phúc thẩm tại Tòa án nhân dân tỉnh Thừa Thiên Huế, bắt cập trong thực tiễn (thông qua các vụ án đã thụ lý, số vụ án đã giải quyết, số vụ án chưa giải quyết), trên cơ sở đó đưa ra những kiến nghị nhằm nâng cao hiệu quả xét xử loại tranh chấp này theo thủ tục phúc thẩm.

4. Đối tượng và phạm vi nghiên cứu

4.1. Đối tượng nghiên cứu:

Đề tài nghiên cứu các quy định của pháp luật Việt Nam về giải quyết tranh chấp phát sinh từ hợp đồng mua bán hàng hóa theo thủ tục phúc thẩm; thực tiễn giải quyết các tranh chấp hợp đồng mua bán hàng hóa theo thủ tục phúc thẩm tại Tòa án nhân dân Tỉnh Thừa Thiên Huế.

4.2. Phạm vi nghiên cứu:

Luận văn trọng tâm nghiên cứu thực tiễn xét xử các tranh chấp mua bán hàng hoá được coi là tranh chấp kinh doanh thương mại (được Luật Thương mại và Bộ luật Tố tụng dân sự điều chỉnh) được Tòa Kinh tế Tòa án nhân dân tỉnh Thừa Thiên Huế thụ lý giải quyết theo thủ tục phúc thẩm trong thời gian 05 năm gần đây.

5. Phương pháp nghiên cứu của Luận văn

5.1. Phương pháp luận:

Tác giả sử dụng phương pháp nghiên cứu khoa học duy vật biện chứng của chủ nghĩa Mác-Lê nin như một phương pháp chung, toàn diện cho toàn bộ luận văn.

5.2. Phương pháp nghiên cứu:

Phương pháp nghiên cứu pháp lý truyền thống: phương pháp này sẽ được sử dụng chủ yếu trong chương I và chương II. Tác giả sẽ sử dụng phương pháp này để tiếp cận các quy định của pháp luật Việt Nam quy định về giải quyết các tranh chấp hợp đồng mua bán hàng hóa theo thủ tục phúc thẩm tại Tòa án, đồng thời đánh giá thực trạng của các quy định này trong quá trình triển khai trên thực tế.

Phương pháp so sánh: phương pháp này sẽ được sử dụng trong chương I khi so sánh việc giải quyết tranh chấp hợp đồng mua bán hàng hóa tại Tòa án với các hình thức giải quyết tranh chấp khác và khi so sánh việc xét xử sơ thẩm tranh chấp hợp đồng mua bán hàng hóa theo thủ tục sơ thẩm với việc xét xử tranh chấp hợp đồng mua bán hàng hóa theo thủ tục phúc thẩm.

Phương pháp thu thập, tổng hợp, phân tích: được sử dụng trong chương II để thu thập, tổng hợp số liệu và phân tích các số liệu để nói lên thực trạng thực thi pháp luật về giải quyết tranh chấp hợp đồng mua bán hàng theo thủ tục phúc thẩm tại Tòa án.

Phương pháp đánh giá, quy nạp: được sử dụng ở chương III để đưa ra những kết luận về giải pháp hoàn thiện pháp luật và nâng cao hiệu quả giải quyết tranh chấp hợp đồng mua bán hàng hóa theo thủ tục phúc thẩm tại Tòa án nhân dân tỉnh Thừa Thiên Huế.

6. Ý nghĩa khoa học và thực tiễn của đề tài:

Trên cơ sở nghiên cứu các quy định của pháp luật về giải quyết tranh chấp hợp đồng mua bán hàng hóa theo thủ tục phúc thẩm tại Tòa án và thực trạng thực thi pháp luật trong lĩnh vực này trên thực tế, luận văn có những đóng góp sau đây:

- Về mặt lý luận: Kết quả nghiên cứu của luận văn góp phần làm sáng tỏ các vấn đề lý luận về hợp đồng mua bán hàng hoá, tranh chấp hợp đồng mua bán hàng hoá và giải quyết tranh chấp hợp đồng mua bán hàng hoá theo pháp luật Việt Nam; thực tiễn giải quyết loại tranh chấp này tại Tòa án nhân dân tỉnh Thừa Thiên Huế.

- Về mặt thực tiễn: Kết quả nghiên cứu Đề tài có ý nghĩa quan trọng trong việc hoàn thiện pháp luật về giải quyết tranh chấp hợp đồng mua bán hàng hóa theo thủ tục sơ thẩm tại Tòa án, nâng cao nhận thức của những người làm thực tiễn, để áp dụng có hiệu quả trong thực tiễn công tác của tác giả cũng như các cán bộ làm công tác xét xử tại các Tòa án.

7. Kết cấu của luận văn

Ngoài lời mở đầu, phần kết luận, danh mục tài liệu tham khảo và phụ lục, nội dung của luận văn gồm 3 chương.

Chương 1: Những vấn đề lý luận cơ bản về hợp đồng mua bán hàng hóa và giải quyết tranh chấp hợp đồng mua bán hàng hóa theo thủ tục phúc thẩm tại Tòa án.

Chương 2: Thực trạng pháp luật và tình hình giải quyết tranh chấp hợp đồng mua bán hàng hóa theo thủ tục phúc thẩm tại Tòa án nhân dân Tỉnh Thừa Thiên Huế

Chương 3: Định hướng, giải pháp hoàn thiện pháp luật và nâng cao hiệu quả giải quyết tranh chấp hợp đồng mua bán hàng hóa theo thủ tục phúc thẩm tại Tòa án nhân dân tỉnh Thừa Thiên Huế.

CHƯƠNG 1:

MỘT SỐ VẤN ĐỀ LÝ LUẬN CƠ BẢN VÀ PHÁP LUẬT VỀ GIẢI QUYẾT TRANH CHẤP HỢP ĐỒNG MUA BÁN HÀNG HOÁ THEO THỦ TỤC PHỨC THẨM TẠI TÒA ÁN

1.1. Khái quát chung về giải quyết tranh chấp hợp đồng mua bán hàng hóa theo thủ tục phúc thẩm tại Tòa án nhân dân

1.1.1. Khái niệm, đặc điểm tranh chấp hợp đồng mua bán hàng hoá

1.1.1.1. Khái niệm tranh chấp hợp đồng mua bán hàng hóa

Mua bán hàng hóa là hoạt động thương mại, theo đó bên bán có nghĩa vụ giao hàng, chuyển quyền sở hữu hàng hóa cho bên mua và nhận thanh toán; bên mua có nghĩa vụ thanh toán cho bên bán, nhận hàng và quyền sở hữu hàng hóa theo thỏa thuận.

Vi phạm hợp đồng là căn cứ làm phát sinh tranh chấp giữa các bên. Điều kiện để quy trách nhiệm cho bên vi phạm hợp đồng phải bồi thường thiệt hại cho bên bị vi phạm, hay nói cách khác những điều kiện nào được coi là cần và đủ để quy trách nhiệm bồi thường thiệt hại?

Điểm chung của Công ước Viên năm 1980, pháp luật Việt Nam và pháp luật các nước để quy định trách nhiệm của bên vi phạm hợp đồng đối với bên bị vi phạm cần có đủ các điều kiện sau đây:

- Có sự vi phạm hợp đồng mua bán hàng hóa;
- Có sự thiệt hại về tài sản của bên bị vi phạm;
- Có quan hệ nhân quả giữa hành vi vi phạm hợp đồng và thiệt hại về tài sản;
- Có lỗi của bên vi phạm hợp đồng.

Vậy, tranh chấp hợp đồng mua bán hàng hóa được hiểu là những mâu thuẫn, bất đồng về quyền và nghĩa vụ giữa các chủ thể tham gia trong hợp đồng mà chủ yếu là liên quan đến việc thực hiện hoặc không thực hiện quyền và nghĩa vụ theo hợp đồng.

Tranh chấp có thể phát sinh từ nội dung của hợp đồng, giải thích hợp đồng, quyền và nghĩa vụ của các bên trong hợp đồng, thực hiện hợp đồng, sửa đổi, bổ sung chấm dứt hợp đồng, trách nhiệm bồi thường thiệt hại do vi phạm hợp đồng.

1.1.1.2. Đặc điểm của tranh chấp hợp đồng mua bán hàng hóa

Việc ký kết hợp đồng mua bán hàng hóa mang lại cho bên mua và bên bán những quyền lợi nhất định, hay nói cách khác là khi các bên tiến hành ký kết một hợp đồng mua bán thì hợp đồng đó hẳn mang lại cho họ những hi vọng về lợi nhuận nào đó. Tranh chấp về hợp đồng mua bán hàng hóa phát sinh khi các bên không thực hiện hoặc thực hiện không đúng những điều khoản đã cam kết trong hợp đồng. Các đặc điểm của tranh chấp hợp đồng mua bán hàng hóa được phân tích trên cơ sở các yếu tố làm phát sinh tranh chấp để quy trách nhiệm thuộc về bên mua hay bên bán. Cụ thể, tranh chấp hợp đồng mua bán hàng hóa dựa trên các yếu tố sau:

- Có sự vi phạm hợp đồng mua bán hàng hóa;
- Có thiệt hại về tài sản của bên bị vi phạm;
- Có quan hệ nhân quả giữa hành vi vi phạm hợp đồng và thiệt hại vật chất xảy ra;
- Có lỗi của bên vi phạm;

Về vấn đề xem xét lỗi trong hợp đồng mua bán hàng hóa, nguyên tắc là bên bị vi phạm không có nghĩa vụ chứng minh lỗi của bên vi phạm. Tuy nhiên, bên bị vi phạm có quyền quy đoán lỗi của bên vi phạm. Do vậy, việc xác định lỗi của bên vi phạm được dựa trên nguyên tắc suy đoán lỗi. Bên vi phạm hợp đồng nếu muốn không phải chịu trách nhiệm thì phải tự chứng minh mình không có lỗi. Nếu bên vi phạm không chứng minh được là mình không có lỗi thì phải chịu trách nhiệm bồi thường thiệt hại theo phán quyết của Tòa án khi vụ án được đưa ra xét xử.

Ngoài ra, tranh chấp hợp đồng mua bán hàng hóa còn có các đặc điểm sau đây:

- Tranh chấp này thường được giải quyết thông qua con đường thương lượng, hòa giải, trọng tài thương mại để đảm bảo sự nhanh gọn về thủ tục cũng như giữ bí mật kinh doanh và quan hệ hợp tác cho các bên. Tòa án là cơ quan tài phán ít được các bên lựa chọn hơn.

- Tranh chấp này phát sinh giữa những chủ thể rất đặc thù (chủ yếu là các thương nhân vì mục đích lợi nhuận) nên việc giải quyết tranh chấp này cũng phải tuân thủ những nguyên tắc nhất định như đảm bảo bí mật kinh doanh của doanh nghiệp và hài hòa lợi ích của các chủ thể tham gia quan hệ mua bán hàng hóa.

1.1.2. Khái niệm, đặc điểm, vai trò của giải quyết tranh chấp hợp đồng mua bán hàng hóa theo thủ tục phúc thẩm tại Tòa án nhân dân

1.1.2.1. Khái niệm giải quyết tranh chấp hợp đồng mua bán hàng hóa theo thủ tục phúc thẩm tại Tòa án nhân dân

Giải quyết tranh chấp hợp đồng mua bán hàng hóa bằng con đường tòa án là hình thức giải quyết tranh chấp do cơ quan có thẩm quyền của nhà nước thực hiện. Đó là Tòa án nhân dân mang quyền lực nhà nước thực hiện vì những phán quyết của Tòa án buộc bên có nghĩa vụ thực thi quyết định đó. Đây là giải pháp cuối cùng để giải quyết tranh chấp hợp đồng mua bán hàng hóa một khi các biện pháp khác như: Thương lượng, Hòa giải, Trọng tài không có hiệu quả hay gặp thất bại.

Kết quả giải quyết theo thủ tục sơ thẩm là tòa án ban hành bản án hoặc quyết định theo quy định của pháp luật và các quyết định của tòa án (trừ quyết định công nhận sự thỏa thuận của các đương sự) có thể bị đương sự kháng cáo, và Viện kiểm sát kháng nghị đề tòa án cấp trên trực tiếp xét xử giải quyết theo thủ tục phúc thẩm.

Thời hạn kháng cáo đối với bản án sơ thẩm là 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Thời hạn kháng nghị của Viện kiểm sát cùng cấp đối với bản án của Tòa án cấp sơ thẩm là 15 ngày, của Viện kiểm sát cấp trên trực tiếp là 30 ngày kể từ ngày Tòa án tuyên án.

Như vậy, giải quyết tranh chấp theo thủ tục phúc thẩm là việc Tòa án cấp trên trực tiếp giải quyết, xét xử lại vụ, việc do Tòa án cấp sơ thẩm đã giải quyết, xét xử mà bản án, quyết định sơ thẩm chưa có hiệu lực pháp luật và bị kháng cáo, kháng nghị.

Việc xét xử theo thủ tục phúc thẩm là “*Thực hiện chế độ hai cấp xét xử*”, đây là nguyên tắc cơ bản của pháp luật tố tụng nói chung và pháp luật tố tụng dân sự nói riêng, thể hiện bản chất của quá trình xét xử tại hệ thống Tòa án hiện nay.

1.1.2.2. Đặc điểm của giải quyết tranh chấp hợp đồng mua bán hàng hóa theo thủ tục phúc thẩm tại Tòa án nhân dân

Đối tượng của xét xử phúc thẩm về tranh chấp hợp đồng mua bán hàng hóa:

Đối tượng của xét xử phúc thẩm tranh chấp hợp đồng mua bán hàng hóa là những văn bản pháp lý do Tòa án ban hành trong quá trình giải quyết, xét xử, vụ kiện dân sự tại Tòa án cấp Sơ thẩm. Bản án, quyết định tạm đình chỉ, đình chỉ của Tòa án sơ thẩm là những sự kiện làm phát sinh quyền và nghĩa vụ trực tiếp của các đương sự. Hiệu lực của các quyết định này, là bắt buộc đối tất cả mọi chủ thể tham gia trong quan hệ pháp luật do vậy nó cần phải được xem xét một cách thận trọng trước khi phát sinh hiệu lực bắt buộc thi hành. Điều 271 BLTTDS 2015 quy định “Bản án, quyết định tạm đình chỉ, đình chỉ giải quyết vụ án” là đối tượng của kháng cáo, kháng nghị.

Tạm đình chỉ việc giải quyết vụ án là việc Tòa cấp sơ thẩm tạm thời chưa giải quyết vụ án khi xuất hiện các lý do như : đương sự là cá nhân đã chết, cơ quan tổ chức đã sát nhập, giải thể, chia tách mà chưa có cá nhân cơ quan tổ chức kế thừa quyền và nghĩa vụ tố tụng của cá nhân cơ quan tổ chức đó; Một bên đương sự là cá nhân mất năng lực. Khi tạm đình chỉ việc giải quyết vụ án Tòa án không xóa tên vụ án mà chỉ ghi chú vào sổ thụ lý số ngày tháng năm của quyết định tạm đình chỉ giải quyết vụ án dân sự đó. Tòa án cũng không xử lý về số tiền mà đương sự đã nộp như tiền tạm ứng án phí, tiền chi phí định giá hay tiền chi phí giám định. Tòa án cấp sơ thẩm sẽ tiếp tục giải quyết vụ án khi lý do tạm đình chỉ không còn.

Đình chỉ việc giải quyết vụ án là việc Tòa án cấp sơ thẩm làm ngừng lại, chấm dứt các thủ tục để giải quyết vụ kiện. Đình chỉ vụ kiện dân sự tại Tòa án cấp phúc thẩm là một quyết định hết sức quan trọng nó liên quan trực tiếp đến quyền và nghĩa vụ của đương sự. Việc đình chỉ việc giải quyết vụ án được hiểu là vụ án đã được giải quyết xong.

Thường các đương sự không có quyền khởi kiện lại vụ án dân sự, khi quyết định đình chỉ đã có hiệu lực pháp luật chỉ trừ một số trường hợp, đó là trong trường hợp người khởi kiện rút đơn khởi kiện và được Tòa án chấp nhận hoặc người khởi kiện không có quyền khởi kiện.

Đối tượng kháng cáo, kháng nghị của xét xử phúc thẩm là bản án của Tòa án sơ thẩm. Đây là một đối tượng rất đặc biệt, bởi bản án là một hình thức quyết định bằng văn bản của Tòa án khi xét xử vụ án. Tòa án nhân danh Nhà nước ra các quyết định phân định việc tranh chấp, công nhận hay không công nhận một sự kiện pháp lý làm phát sinh quyền và nghĩa vụ của các chủ thể khi tham gia quan hệ tố tụng tại Tòa án. Khi không nhất trí với bản án ở một phần, một điểm hay toàn bộ bản án thì đương sự có quyền thể hiện sự bất đồng ý chí của mình đối với phần hay toàn bộ bản án đó. Bản án là một sản phẩm trí tuệ, là một văn bản đặc biệt của Tòa án mà cụ thể là của Hội đồng xét xử. Chỉ khi có thủ tục xét xử tại phiên tòa thì mới có bản án. Bản án của Tòa án nhân danh Nhà nước cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam đòi hỏi thủ tục ban hành phải chặt chẽ. Kết cấu, nội dung phải tuân thủ theo đúng quy định của pháp luật tố tụng dân sự. Các đương sự chỉ có quyền kháng cáo, chủ thể của quyền kháng nghị chỉ có thể kháng nghị khi bản án chưa có hiệu lực pháp luật

Phạm vi xét xử vụ án dân sự của Tòa án cấp phúc thẩm về tranh chấp hợp đồng mua bán hàng hóa:

Về nguyên tắc, bản án quyết định sơ thẩm bị kháng cáo, kháng nghị phần nào thì chỉ phần đó chưa có hiệu lực thi hành và sẽ đưa ra xét xử theo trình tự phúc thẩm. Phần còn lại của bản án, quyết định không bị kháng cáo, kháng nghị sẽ phát sinh hiệu lực và có hiệu lực thi hành. Trường hợp bản án, quyết định sơ thẩm bị kháng cáo kháng nghị toàn bộ thì toàn bộ bản án, quyết định bị xét xử lại theo thủ tục phúc thẩm.

Tóm lại, thì phạm vi xét xử phúc thẩm được giới hạn bởi 2 vấn đề: Tòa án cấp phúc thẩm chỉ xem xét những vấn đề mà tại phiên tòa sơ thẩm đã giải quyết và Tòa án cấp phúc thẩm chỉ xem xét nội dung kháng cáo, kháng nghị và những vấn đề có liên quan đến việc xem xét nội dung kháng cáo, kháng nghị.

Phạm vi kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm dân sự về tranh chấp hợp đồng mua bán hàng hóa:

Trên cơ sở Điều 263 BLTTDS 2015 chúng ta có thể nhận thấy phạm vi kháng cáo của đương sự và kháng nghị của VKS được giới hạn trong những vấn đề Tòa sơ thẩm đã xử. Chủ thể có quyền kháng cáo, kháng nghị không được phép kháng cáo, kháng nghị về những vấn đề mới, chưa được xem xét ở Tòa án sơ thẩm. Giải thích một cách cụ thể hơn thì *“Đương sự có quyền kháng cáo nhưng mỗi đương sự chỉ có quyền kháng cáo về phần bản án, quyết định sơ thẩm hoặc bản án, quyết định sơ thẩm có liên quan đến quyền và nghĩa vụ của đương sự đó, còn những phần bản án, quyết định không có liên quan đến quyền và nghĩa vụ của mình thì đương sự không có quyền kháng cáo”*.

Việc xác định phạm vi kháng cáo, kháng nghị xuất phát từ sự tôn trọng quyền được kháng cáo của đương sự, kháng nghị của VKS theo thủ tục phúc thẩm, tôn trọng 2 cấp xét xử trong TTDS và hơn hết là phù hợp với tính chất xét xử lại của thủ tục phúc thẩm. Nếu những vấn đề này chưa được đưa ra xét xử ở tòa án cấp sơ thẩm thì các chủ thể kháng cáo, kháng nghị không được phép yêu cầu ở cấp phúc thẩm và Tòa án cấp phúc thẩm cũng không có thẩm quyền thụ lý và giải quyết những yêu cầu ngoài phạm vi đã xét xử sơ thẩm.

1.1.2.3. Thẩm quyền xét xử phúc thẩm và quyền hạn của Hội đồng xét xử phúc thẩm.

Xét xử phúc thẩm là việc Tòa cấp phúc thẩm trực tiếp xét xử lại vụ án mà bản án, quyết định của Tòa án cấp sơ thẩm chưa có hiệu lực pháp luật bị kháng cáo, kháng nghị. Theo quy định tại Điều 308 của Bộ luật tố tụng dân sự thì Hội đồng xét xử phúc thẩm có quyền sau đây: Giữ nguyên bản án sơ thẩm; Sửa bản án sơ thẩm; Hủy bản án sơ thẩm, hủy một phần bản án sơ thẩm và chuyển hồ sơ vụ án cho Tòa án cấp sơ thẩm giải quyết lại vụ án theo thủ tục sơ thẩm; Hủy bản án sơ thẩm và đình chỉ giải quyết vụ án; Đình chỉ xét xử phúc thẩm; Tạm đình chỉ việc giải quyết vụ án khi có văn bản của Chánh án Tòa án nhân dân tối cao kiến nghị cơ quan nhà nước có thẩm quyền xem xét sửa đổi, bổ sung hoặc bãi bỏ văn bản quy phạm pháp luật có dấu hiệu trái với Hiến pháp và pháp luật.

1.1.2.3. Vai trò của giải quyết tranh chấp hợp đồng mua bán hàng hóa theo thủ tục phúc thẩm tại Tòa án nhân dân:

Về mặt chính trị:

Qua xét xử vụ án dân sự tại Tòa án cấp phúc thẩm, hội đồng phúc thẩm khắc phục những sai lầm có thể có trong những bản án, quyết định chưa có hiệu lực pháp luật của Tòa án bảo đảm cho quyền và lợi ích hợp pháp của cá nhân cũng như các lợi ích tập thể được thực hiện trong thực tế. Góp phần bảo vệ pháp chế XHCN.

Về mặt xã hội:

Qua xét xử phúc thẩm sự công bằng, minh bạch trong các quan hệ pháp luật dân sự được đảm bảo trong từng phán quyết của Tòa án. Qua các phán quyết đúng đắn ấy sự tin nhiệm của người dân đối với cơ quan Tòa án, đối với quyền lực Nhà nước được trọn vẹn.

Xét xử phúc thẩm được xem xét tại Tòa án cấp phúc thẩm một cách công khai, mọi công dân đều có quyền tham dự. Thông qua các ý kiến tranh luận công khai thông qua sự giải thích pháp luật của Tòa án cấp phúc thẩm người tham dự phiên tòa, người tham gia tố tụng hiểu biết thêm về pháp luật, nhận thức đầy đủ về đường lối, chính sách của Đảng và pháp luật của Nhà nước, nâng cao ý thức pháp luật cho nhân dân củng cố niềm tin của dân với Đảng với Nhà nước.

Về mặt pháp lý:

Xét xử phúc thẩm có ý nghĩa đặc biệt quan trọng trong TTDS. Thông qua phúc thẩm, Tòa án cấp trên có thể kiểm tra hoạt động xét xử của Tòa án cấp dưới, qua đó có thể tìm ra những nguyên nhân, khắc phục những thiếu sót, những lỗ hổng của chính các quy định của pháp luật về nội dung và về hình thức từ đó có những định hướng chỉ đạo kịp thời nâng cao chất lượng xét xử của Tòa án nhân dân các cấp nói chung và của đội ngũ thẩm phán xét xử của Tòa án cấp sơ thẩm nói riêng. Thực hiện cơ chế xét xử hai cấp thì có thể nói, bản án quyết định của Tòa án phúc thẩm như là khuôn mẫu, là những định hướng trong hoạt động xét xử của Tòa án cấp sơ thẩm. Nó đảm bảo sự vận dụng pháp luật một cách thống nhất, tạo ra lòng tin của người dân đối với pháp luật, đối với cơ quan Tòa án điều đó cũng đòi hỏi chất lượng xét xử của cấp phúc thẩm phải được nâng lên, thực sự trở thành nơi đem lại sự công bằng, minh bạch, giải tỏa hết tâm lý bức xúc được thua trong các quan hệ có tranh chấp, đáp ứng được long mong mỏi của mỗi người dân, tạo niềm tin tuyệt đối của họ vào pháp luật và cơ quan Tòa án.

1.1.3. So sánh việc giải quyết tranh chấp hợp đồng mua bán hàng hóa tại Tòa án với các hình thức giải quyết tranh chấp khác

Phương thức giải quyết tranh chấp là cách thức giải quyết những mâu thuẫn (bất đồng hay xung đột) về quyền và nghĩa vụ giữa các bên do các bên thỏa thuận lựa chọn phù hợp với các quy định của pháp luật.

Thương lượng, Hòa giải, Trọng tài hay Tòa án là những phương thức giải quyết tranh chấp mà các bên lựa chọn.

Thương lượng là việc các bên giải quyết tranh chấp thông qua việc các bên tranh chấp tự bàn bạc, tự dàn xếp nhằm tháo gỡ những bất đồng phát sinh và tìm giải pháp chung để giải quyết những bất đồng, tranh chấp của mình.

Hoà giải là phương pháp giải quyết tranh chấp có sự tham gia của bên thứ ba do các bên lựa chọn để làm trung gian trợ giúp cho các bên tìm kiếm giải pháp tối ưu cho việc giải quyết tranh chấp.

Tuy nhiên, cũng phải nói tới một số hạn chế của việc lựa chọn phương thức này như kết quả của hoà giải thành chỉ được hình thành trên cơ sở tự nguyện,

không có hiệu lực pháp lý bắt buộc đối với các bên; ngoài ra, việc tìm được những hoà giải viên, trung tâm hoà giải có trình độ, uy tín không phải là điều dễ dàng ở Việt Nam.

Theo quy định tại khoản 1 Điều 3 Luật Trọng tài thương mại năm 2010 thì: *“Trọng tài thương mại là phương thức giải quyết tranh chấp do các bên lựa chọn và được tiến hành theo quy định của Luật này”*.

Phương thức giải quyết tranh chấp bằng trọng tài hiện nay rất nhiều các bên tranh chấp thỏa thuận lựa chọn, bởi trọng tài là phương thức giải quyết tranh chấp có tính chất riêng biệt, hầu hết các nước đều thừa nhận trọng tài xét xử kín nếu các bên không có thỏa thuận khác. Tuy nhiên hiệu quả thực thi phán quyết trọng tài, không có cơ chế để thi hành phán quyết, hoặc do năng lực trọng tài viên còn yếu, chưa có hiểu biết đầy đủ về phương thức này hoặc không biết cơ chế trọng tài sẽ thực thi trong thực tế như thế nào. Nhiều doanh nghiệp Việt Nam hiện nay cho biết họ chưa biết đến phương thức giải quyết tranh chấp kinh doanh thương mại bằng trọng tài.

So với các phương thức giải quyết tranh chấp nêu trên, giải quyết tranh chấp bằng toà án được coi là có thủ tục chặt chẽ, mang tính quyền lực nhà nước, có giá trị thi hành cao. Việc áp dụng hệ thống hai cấp xét xử tạo cơ hội để có thể sửa chữa những thiếu sót, sai lầm của các bản án, quyết định ở cấp sơ thẩm, tạo tâm lý yên tâm hơn cho các doanh nghiệp so với phương thức giải quyết tranh chấp bằng trọng tài, quyết định của trọng tài có giá trị chung thẩm và không thể thay đổi hay sửa chữa được.

1.1.4. So sánh việc xét xử tranh chấp hợp đồng mua bán hàng hóa theo thủ tục sơ thẩm với việc xét xử tranh chấp hợp đồng mua bán hàng hóa theo thủ tục phúc thẩm

Việc thụ lý và xét xử vụ án theo thủ tục sơ thẩm căn cứ trên cơ sở có đơn khởi kiện của người có quyền khởi kiện gửi đến Tòa án. Còn xét xử phúc thẩm là việc Tòa án cấp trên trực tiếp xét xử lại vụ án mà bản án, quyết định của Tòa án cấp sơ thẩm chưa có hiệu lực pháp luật bị kháng cáo hoặc kháng nghị.

Phạm vi phúc thẩm chỉ xét lại những nội dung do đương sự kháng cáo và bị giới hạn bởi phạm vi mà bản án sơ thẩm đã giải quyết. Thành phần xét xử vụ án tranh chấp hợp đồng mua bán hàng hóa ở cấp sơ thẩm gồm một Thẩm phán chủ tọa phiên tòa và hai Hội thẩm nhân dân. Do đặc thù của việc xét xử phúc thẩm mà phiên tòa phúc thẩm gồm có ba Thẩm phán, trong đó một Thẩm phán được phân công chủ tọa phiên tòa. Trong trường hợp cần thiết thì có thể có thêm hai Hội thẩm nhân dân. Tuy nhiên, cần lưu ý là chế độ Hội thẩm không áp dụng đối với các Tòa phúc thẩm Tòa án nhân dân tối cao.

Khác với bản án, quyết định của tòa án cấp sơ thẩm khi ban hành chưa có hiệu lực pháp luật ngay. Bản án, quyết định của tòa án cấp phúc thẩm không thể bị kháng cáo, kháng nghị mà có hiệu lực pháp luật ngay. Do vậy, khi bản án, quyết định được ban hành thì mọi chủ thể phải tuyệt đối chấp hành.

1.2. Khái quát chung pháp luật về giải quyết tranh chấp hợp đồng mua bán hàng hóa theo thủ tục phúc thẩm tại Tòa án nhân dân

1.2.1. Khái niệm pháp luật về giải quyết tranh chấp hợp đồng mua bán hàng hóa theo thủ tục phúc thẩm tại Tòa án nhân dân

Pháp luật về giải quyết tranh chấp hợp đồng mua bán hàng hóa theo thủ tục phúc thẩm tại Tòa án nhân dân là tổng hợp các quy định của Nhà nước về nguyên tắc giải quyết tranh chấp, phương thức giải quyết tranh chấp, chủ thể có thẩm quyền giải quyết và trình tự, thủ tục giải quyết tranh chấp.

1.2.2. Vai trò của pháp luật giải quyết tranh chấp hợp đồng mua bán hàng hóa theo thủ tục phúc thẩm tại Tòa án nhân dân

Pháp luật là công cụ điều chỉnh các mối quan hệ xã hội và đời sống cộng đồng, là sản phẩm của sự phát triển xã hội vừa mang tính khách quan vừa mang tính chủ quan, là một trong các công cụ để nhà nước quản lý có hiệu quả các lĩnh vực khác nhau trong đời sống xã hội.

Về pháp luật Thương mại: Quy định về mặt nội dung của hợp đồng, các quyền và nghĩa vụ của các bên khi tham gia hợp đồng mua bán hàng hóa, cơ chế giải quyết tranh chấp, thời hiệu khởi kiện, chế tài trong trường hợp vi phạm hợp đồng... Ngoài ra Pháp luật Dân sự cũng quy định một số nội dung liên quan đến hợp đồng nói chung cũng như hợp đồng mua bán hàng hóa nói riêng.

Về pháp luật TTDS: Quy định trình tự, thủ tục giải quyết tranh chấp hợp đồng mua bán hàng hóa theo thủ tục phúc thẩm tại Tòa án nhân dân.

Pháp luật giải quyết tranh chấp hợp đồng mua bán hàng hóa theo thủ tục phúc thẩm tại Tòa án nhân dân đã góp phần quan trọng trong việc bảo vệ lợi ích của Nhà nước, quyền và lợi ích hợp pháp của cơ quan, tổ chức, cá nhân trong quan hệ hợp đồng mua bán hàng hóa; bảo đảm trình tự và thủ tục tố tụng dân sự (TTDS) dân chủ, công khai, đơn giản, thuận lợi giúp giải quyết tranh chấp hợp đồng mua bán hàng hóa một cách chính xác, công bằng, bảo đảm quyền lợi ích cho các bên.

1.2.3. Khung pháp luật điều chỉnh giải quyết tranh chấp hợp đồng mua bán hàng hóa theo thủ tục phúc thẩm tại Tòa án nhân dân

Việc giải quyết tranh chấp hợp đồng mua bán hàng hóa theo thủ tục phúc thẩm tại Tòa án nhân dân được điều chỉnh bởi hệ thống pháp luật quy định về nội dung và hệ thống pháp luật quy định về hình thức.

Hệ thống pháp luật quy định về nội dung gồm có: Hiến pháp nước CHXHC Việt Nam 2013; Bộ luật Dân sự 2015 và các văn bản hướng dẫn thi hành; Luật Thương mại 2005 và các văn bản hướng dẫn thi hành; một số văn bản Nghị định của Chính phủ hướng dẫn về đăng ký giao dịch hợp đồng, hợp đồng thương mại quốc tế, danh mục các hàng hóa, các điều kiện thực hiện hợp đồng...; Công ước Viên 1980(CISG); Công ước La Haye 1964; và một số văn bản khác.

Hệ thống pháp luật quy định về hình thức gồm có: Bộ luật Tố tụng dân sự 2015 và các văn bản hướng dẫn thi hành; Nghị quyết 103/2015/QH13 về thi hành Bộ luật tố tụng dân sự; Nghị quyết 02/2016/NQ-HĐTP hướng dẫn thi hành quy định của Nghị quyết 103/2015/QH13 về thi hành Bộ luật tố tụng dân sự; Nghị quyết 02/2004/NQ-HĐTP hướng dẫn áp dụng pháp luật trong việc giải quyết các vụ án dân sự; và một số văn bản hướng dẫn của Tòa án nhân dân tối cao.

1.2.4. Nội dung pháp luật về giải quyết tranh chấp hợp đồng mua bán hàng hóa theo thủ tục phúc thẩm tại Tòa án nhân dân

Pháp luật về giải quyết tranh chấp hợp đồng mua bán hàng hóa theo thủ tục phúc thẩm tại Tòa án nhân dân có các nội dung chủ yếu sau đây: Chủ thể có quyền kháng cáo, kháng nghị; Thời hạn kháng cáo, kháng nghị; Phạm vi xét xử phúc thẩm; Những người tham gia phiên tòa phúc thẩm; Trình tự thủ tục giải quyết; Thẩm quyền của HĐXX phúc thẩm.

CHƯƠNG 2

THỰC TRẠNG PHÁP LUẬT VÀ THỰC TIỄN GIẢI QUYẾT TRANH CHẤP HỢP ĐỒNG MUA BÁN HÀNG HÓA THEO THỦ TỤC PHÚC THẨM TẠI TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH THỪA THIÊN HUẾ

2.1. Thực trạng pháp luật về giải quyết tranh chấp hợp đồng mua bán hàng hóa theo thủ tục phúc thẩm tại Tòa án nhân dân

2.1.1. Quy định của pháp luật về giải quyết tranh chấp hợp đồng mua bán hàng hóa theo thủ tục phúc thẩm tại Tòa án nhân dân

2.1.1.1. Quy định pháp luật về hợp đồng mua bán hàng hóa:

Với việc coi BLDS 2015 là “đạo luật gốc” thì chúng ta thấy rằng, nhiều vấn đề về hợp đồng mua bán hàng hóa được điều chỉnh bởi pháp luật không có sự khác biệt so với hợp đồng mua bán tài sản trong dân sự. Với tư cách là hình thức pháp lý của quan hệ mua bán hàng hóa, hợp đồng mua bán hàng hóa có những đặc điểm sau đây:

- Về chủ thể của hợp đồng mua bán hàng hóa: Chủ thể của hợp đồng mua bán hàng hóa được thiết lập chủ yếu giữa các thương nhân. Khái niệm thương nhân theo quy định tại LTM 2005 như sau: *“Thương nhân bao gồm tổ chức kinh tế được thành lập hợp pháp, cá nhân hoạt động thương mại một cách độc lập, thường xuyên và có đăng ký kinh doanh”*.

Khái niệm thương nhân được đề cập đến trong LTM 2005 trên đây có thể là thương nhân Việt Nam hoặc thương nhân nước ngoài. Chủ thể của hợp đồng mua bán hàng hóa cũng được ghi nhận đối với tổ chức, cá nhân không phải là thương nhân khi các chủ thể này lựa chọn áp dụng LTM 2005, khi đó quan hệ mua bán hàng hóa đó sẽ tuân theo các quy định của LTM 2005. Khái niệm thương nhân nước ngoài không được LTM 2005 đề cập đến. Tuy nhiên, chúng ta có thể xem xét khái niệm dưới đây: Thương nhân nước ngoài là thương nhân được thành lập, đăng ký kinh doanh theo quy định của pháp luật nước ngoài và được pháp luật nước ngoài công nhận. Khái niệm này cần được phân biệt với khái niệm thương nhân nước ngoài hoạt động tại Việt Nam, bởi khái niệm thương nhân nước ngoài hoạt động tại Việt Nam là thương nhân có văn phòng đại diện, chi nhánh tại Việt Nam.

- Về hình thức của hợp đồng mua bán hàng hóa: Hợp đồng mua bán hàng hóa được thể hiện bằng lời nói, bằng văn bản hoặc được xác lập bằng hành vi cụ thể. Đối với các loại hợp đồng mua bán hàng hóa mà pháp luật quy định phải được lập thành văn bản thì phải tuân theo các quy định đó.

- Về đối tượng của hợp đồng mua bán hàng hóa: Hợp đồng mua bán hàng hóa có đối tượng là hàng hóa. Theo quy định của LTM 2005, hàng hóa bao gồm: *“a) tất cả các loại động sản, kể cả động sản hình thành trong tương lai; b) những vật gắn liền với đất đai”*.

Ở nước ta, ngoài quy định về các loại hàng hóa được lưu thông trong thương mại nêu trên, Chính phủ ban hành cụ thể danh mục hàng hóa cấm kinh doanh, hạn chế kinh doanh, kinh doanh có điều kiện và điều kiện để kinh doanh các loại hàng hóa này; ngoài ra, trong một số trường hợp nhất định, các cơ quan chức năng có thẩm quyền được phép áp dụng các biện pháp khẩn cấp tạm thời đối với hàng hóa lưu thông trong nước, theo đó hàng hóa được lưu thông trong nước có thể áp dụng một hoặc các biện pháp buộc phải thu hồi, cấm lưu thông, tạm ngừng lưu thông,

lưu thông có điều kiện hoặc phải có giấy phép lưu thông đối với một trong các trường hợp sau: 1) Hàng hóa đó là nguồn gốc hoặc phương tiện lây truyền các loại dịch bệnh; 2) Xảy ra tình trạng khẩn cấp.

- Về nội dung của hợp đồng mua bán hàng hóa: Nội dung của hợp đồng mua bán hàng hóa là các điều khoản do các bên thỏa thuận, thể hiện quyền và nghĩa vụ của các bên trong quan hệ hợp đồng. Theo đó, bên bán có nghĩa vụ giao hàng, chuyển quyền sở hữu hàng hóa cho bên mua và nhận tiền; còn bên mua có nghĩa vụ nhận hàng hóa và trả tiền cho bên bán.

2.1.1.2. Quy định pháp luật về thủ tục giải quyết tranh chấp hợp đồng mua bán hàng hóa theo thủ tục phúc thẩm tại Tòa án nhân dân:

Chủ thể có quyền kháng cáo, kháng nghị

Bản án, quyết định sơ thẩm của Tòa án có thể bị kháng cáo, kháng nghị theo quy định. Người kháng cáo là cá nhân có đầy đủ năng lực hành vi tố tụng dân sự có thể tự mình làm đơn kháng cáo. Người kháng cáo nếu không tự mình kháng cáo thì có thể ủy quyền cho người khác đại diện cho mình kháng cáo. Người đại diện theo pháp luật của đương sự là cơ quan, tổ chức có thể tự mình hoặc ủy quyền người khác làm đơn kháng cáo. Người đại diện theo pháp luật của đương sự là người chưa thành niên, người mất năng lực hành vi dân sự có thể tự mình hoặc ủy quyền cho người khác làm đơn kháng cáo. Việc ủy quyền phải được làm thành văn bản có công chứng, chứng thực hợp pháp, trừ trường hợp văn bản ủy quyền đó được lập tại Tòa án có sự chứng kiến của Thẩm phán hoặc người được Chánh án Tòa án phân công. Trong văn bản ủy quyền phải có nội dung đương sự ủy quyền cho người đại diện theo ủy quyền kháng cáo bản án, quyết định tạm đình chỉ, đình chỉ giải quyết vụ án của Tòa án cấp sơ thẩm.

Thời hạn kháng cáo, kháng nghị

Thời hạn kháng cáo: Đối với bản án của Tòa án cấp sơ thẩm là 15 ngày, kể từ ngày tuyên án; Đối với đương sự, đại diện cơ quan, tổ chức hoặc cá nhân khởi kiện không có mặt tại phiên tòa hoặc không có mặt khi tuyên án mà có lý do chính đáng thì thời hạn kháng cáo được tính từ ngày họ nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết. Đối với trường hợp đương sự, đại diện cơ quan, tổ chức hoặc cá nhân khởi kiện đã tham gia phiên tòa nhưng vắng mặt khi Tòa án tuyên án mà không có lý do chính đáng thì thời hạn kháng cáo được tính từ ngày tuyên án.

Thời hạn kháng nghị: Đối với bản án của Tòa án cấp sơ thẩm của Viện kiểm sát cùng cấp là 15 ngày, của Viện kiểm sát cấp trên trực tiếp là 01 tháng, kể từ ngày tuyên án. Trường hợp Kiểm sát viên không tham gia phiên tòa thì thời hạn kháng nghị tính từ ngày Viện kiểm sát cùng cấp nhận được bản án.

Kháng cáo quá thời hạn.

Kháng cáo quá thời hạn quy định là kháng cáo quá hạn. Sau khi nhận được đơn kháng cáo quá hạn, Tòa án cấp sơ thẩm phải gửi đơn kháng cáo, bản tường trình của người kháng cáo về lý do kháng cáo quá hạn và tài liệu, chứng cứ (nếu có) cho Tòa án cấp phúc thẩm.

Phạm vi xét xử phúc thẩm

Tòa án cấp phúc thẩm chỉ xem xét lại phần của bản án, quyết định sơ thẩm có kháng cáo, kháng nghị hoặc có liên quan đến việc xem xét nội dung kháng cáo, kháng nghị.

Những người tham gia phiên tòa phúc thẩm.

Người kháng cáo, đương sự, cơ quan, tổ chức, cá nhân có liên quan đến việc giải quyết kháng cáo, kháng nghị và người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của đương sự phải được triệu tập tham gia phiên tòa. Tòa án có thể triệu tập những người tham gia tố tụng khác tham gia phiên tòa nếu xét thấy cần thiết cho việc giải quyết kháng cáo, kháng nghị.

- Kiểm sát viên Viện kiểm sát cùng cấp tham gia phiên tòa phúc thẩm

Trình tự thủ tục giải quyết tranh chấp hợp đồng mua bán hàng hóa theo thủ tục sơ thẩm theo pháp luật Việt Nam.

Thủ tục chuẩn bị xét xử phúc thẩm:

Về cung cấp tài liệu, chứng cứ trong giai đoạn chuẩn bị xét xử phúc thẩm, BLTTDS năm 2015 xác định việc thu thập, cung cấp chứng cứ chủ yếu là trong giai đoạn sơ thẩm. Tuy nhiên, ở giai đoạn chuẩn bị xét xử phúc thẩm đương sự được quyền bổ sung tài liệu, chứng cứ trong những trường hợp: Tài liệu, chứng cứ mà Tòa án cấp sơ thẩm đã yêu cầu giao nộp nhưng đương sự không cung cấp, giao nộp được vì có lý do chính đáng; Tài liệu, chứng cứ mà Tòa án cấp sơ thẩm không yêu cầu đương sự giao nộp hoặc đương sự không thể biết được trong quá trình giải quyết vụ việc theo thủ tục sơ thẩm. Trong thời hạn 01 tháng, kể từ ngày có quyết định đưa vụ án ra xét xử, Tòa án phải mở phiên tòa phúc thẩm; trường hợp có lý do chính đáng thì thời hạn này là 02 tháng.

Thủ tục xét xử phúc thẩm:

Về hoãn phiên Tòa phúc thẩm, nhằm khắc phục vướng mắc về nhận thức trong trường hợp nào phải hoãn phiên tòa phúc thẩm do BLTTDS năm 2011 quy định không rõ, nên BLTTDS năm 2015 đã quy định Kiểm sát viên được phân công tham gia phiên tòa phúc thẩm vắng mặt nếu vụ án không có kháng nghị của Viện kiểm sát thì Hội đồng xét xử vẫn tiến hành xét xử, không hoãn phiên tòa hoặc nếu vụ án có kháng nghị phúc thẩm của Viện kiểm sát thì hoãn phiên Tòa.

Người kháng cáo, người không kháng cáo nhưng có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến việc kháng cáo, kháng nghị, người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của họ được Tòa án triệu tập họp lệ lần thứ nhất mà vắng mặt thì phải hoãn phiên tòa. Trường hợp họ có đơn đề nghị xét xử vắng mặt thì Tòa án tiến hành phiên tòa phúc thẩm xét xử vắng mặt họ.

Trong trường hợp người kháng cáo được Tòa án triệu tập họp lệ lần thứ hai mà vắng mặt, nếu có đề nghị xét xử vắng thì Tòa án tiến hành phiên tòa phúc thẩm xét xử vắng mặt họ. Nếu vì sự kiện bất khả kháng hoặc trở ngại khách quan thì phải hoãn phiên tòa. Nếu không có đề nghị xét xử vắng mặt, không vì lý do sự kiện bất khả kháng hoặc trở ngại khách quan khách quan thì bị coi như từ bỏ việc kháng cáo và Tòa án đình chỉ xét xử phúc thẩm đối với yêu cầu kháng cáo của người đó.

Trường hợp có nhiều người kháng cáo, trong đó có người kháng cáo được Tòa án triệu tập họp lệ lần thứ hai mà vắng mặt nhưng không có đơn đề nghị xét xử vắng mặt thì coi như người đó từ bỏ việc kháng cáo và Tòa án đưa vụ án ra xét xử. Trong phần quyết định của bản án, Tòa án đình chỉ xét xử phúc thẩm đối với phần kháng cáo của người kháng cáo vắng mặt đó.

Người không kháng cáo nhưng có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến việc kháng cáo, kháng nghị và những người tham gia tố tụng khác đã được Tòa án triệu tập họp lệ lần thứ hai mà vẫn vắng mặt thì Tòa án tiến hành xét xử vụ án.

Nội dung và phương thức tranh tụng tại phiên tòa phúc thẩm được thực hiện như phiên Tòa sơ thẩm. Việc tạm ngừng phiên tòa phúc thẩm được thực hiện như phiên tòa sơ thẩm.

Hội đồng xét xử phúc thẩm đình chỉ xét xử phúc thẩm và giữ nguyên bản án sơ thẩm khi thuộc một trong các trường hợp sau: Người kháng cáo rút toàn bộ kháng cáo, Viện kiểm sát rút toàn bộ kháng nghị sau khi Tòa án cấp phúc thẩm ra quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm thì Hội đồng xét xử phúc thẩm ra quyết định đình chỉ xét xử phúc thẩm; Người kháng cáo đã được triệu tập họp lệ lần thứ hai mà không có mặt, trừ trường hợp vụ án còn có người khác kháng cáo, Viện kiểm sát kháng nghị.

Trình tự giải quyết vụ án dân sự theo thủ tục rút gọn tại Tòa án cấp phúc thẩm.

Đây là quy định mới của BLTTDS 2015, tại các Điều từ 322 đến 324 theo đó: Thời hạn kháng cáo đối với bản án, quyết định của Tòa án cấp sơ thẩm theo thủ tục rút gọn là 07 ngày, kể từ ngày tuyên án. Đối với đương sự không có mặt tại phiên tòa thì thời hạn kháng cáo tính từ ngày bản án, quyết định được giao cho họ hoặc bản án, quyết định được niêm yết. Thời hạn kháng nghị đối với bản án, quyết định của Tòa án cấp sơ thẩm theo thủ tục rút gọn của Viện kiểm sát cùng cấp là 07 ngày, của Viện kiểm sát cấp trên trực tiếp là 10 ngày, kể từ ngày nhận được bản án, quyết định. Thời hạn chuẩn bị xét xử phúc thẩm theo thủ tục rút gọn là 01 tháng, kể từ ngày thụ lý vụ án. Trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày có quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm, Thẩm phán phải mở phiên tòa phúc thẩm.

Việc áp dụng thủ tục rút gọn trong giải quyết vụ án dân sự góp phần nâng cao hiệu quả hoạt động của Tòa án, tạo cơ sở pháp lý để Tòa án giải quyết nhanh chóng các tranh chấp phát sinh trong xã hội mà vẫn bảo đảm các quyền, lợi ích hợp pháp của cá nhân, cơ quan, tổ chức; giảm nh thời gian, chi phí tố tụng của Tòa án và thời gian, chi phí của các đương sự cho việc tham gia tố tụng tại Tòa án. Đồng thời, việc giải quyết nhanh chóng các tranh chấp, bất đồng nảy sinh trong xã hội sẽ góp phần ngăn chặn, hạn chế những tác động tiêu cực của vụ việc đó, góp phần ổn định xã hội.

2.2. Thực tiễn giải quyết tranh chấp hợp đồng mua bán hàng hóa theo thủ tục phúc thẩm tại Tòa án nhân dân tỉnh Thừa Thiên Huế.

2.2.1. Đánh giá chung tình hình giải quyết tranh chấp hợp đồng mua bán hàng hóa theo thủ tục phúc thẩm tại Tòa án nhân dân tỉnh Thừa Thiên Huế.

Trong những năm gần đây, số lượng các vụ án về tranh chấp hợp đồng mua bán được xét xử theo thủ tục phúc thẩm tại Tòa án nhân dân tỉnh Thừa Thiên Huế có số lượng cao so với các tranh chấp kinh doanh thương mại khác. Thực tiễn giải quyết về tranh chấp hợp đồng mua bán rất phức tạp, nhiều vụ án có nhiều tình tiết, tài liệu chứng cứ khác nhau, các quan hệ tranh chấp mới, các giao dịch, hợp đồng đan xen nên việc giải quyết, đánh giá chứng cứ rất khó khăn.

Theo báo cáo tổng kết của hệ thống Tòa án, các khó khăn trong quá trình xét xử bởi các nguyên nhân: Các tranh chấp hợp đồng mua bán hàng hóa đều phát sinh

từ việc thực hiện hoặc thực hiện không đầy đủ các nội dung trong hợp đồng, các bên tham gia gia kết hợp đồng đã không tuân thủ đầy đủ các quy định của pháp luật, vi phạm và điều cấm... Trong các vụ án cấp phúc thẩm đã xét xử và hủy án sơ thẩm có nhiều nguyên nhân khác nhau như: Do Thẩm phán cấp sơ thẩm chưa nghiên cứu kỹ và đánh giá chưa đầy đủ các tài liệu, chứng cứ thu thập được; việc xác định quan hệ pháp luật tranh chấp và áp dụng pháp luật không chính xác dẫn đến cấp phúc thẩm phải hủy để xét xử lại.

Một là, các bên giao dịch thanh toán bằng ngoại tệ là vi phạm điều cấm nhưng cấp sơ thẩm không phát hiện dẫn đến sai sót khi giải quyết vụ án.

Vụ án 1: Bản án số 03/2012/KDTM-PT ngày 26/12/2012 của Tòa án nhân dân tỉnh Thừa Thiên Huế.

Hai là, cấp sơ thẩm chưa xác minh thu thập chứng cứ đầy đủ để làm rõ trách nhiệm của mỗi bên, xác định nguyên nhân gây ra và mức độ lỗi để bù trừ nghĩa vụ là chưa bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của đương sự.

Vụ án 2: Bản án số 01/2016/KDTM-PT ngày 29/2/2016 của Tòa án nhân dân tỉnh Thừa Thiên Huế.

2.2.2. Những vướng mắc, bất cập trong quá trình giải quyết các tranh chấp hợp đồng mua bán hàng hoá theo thủ tục phúc thẩm tại Tòa án nhân dân tỉnh Thừa Thiên Huế.

2.2.2.1. Những vướng mắc, bất cập từ cơ cấu tổ chức của hệ thống Tòa án nhân dân nói chung.

Tòa kinh tế trong hệ thống Tòa án nhân dân được thành lập ngày 01/7/1994 trên cơ sở Luật tổ chức Tòa án nhân dân năm 1993. Từ khi Tòa kinh tế được thành lập đã giải quyết kịp thời các vụ án kinh tế lớn, bảo vệ lợi ích của nhà nước, quyền và lợi ích hợp pháp của cá nhân, pháp nhân. Việc thành lập Tòa kinh tế để giải quyết chuyên sâu lĩnh vực án kinh tế, đồng thời đào tạo các Thẩm phán, Thư ký chuyên biệt có năng lực, trình độ nghiệp vụ để giải quyết, xét xử nhằm nâng cao chất lượng xét xử, đáp ứng kịp thời với yêu cầu thực tiễn trong đời sống xã hội, phù hợp với các chính sách kinh tế của Đảng và nhà nước trong giai đoạn hiện nay, hội nhập kinh tế quốc tế.

Ngày 21/01/2016, Tòa án nhân dân tối cao đã ban hành Thông tư số 01/2016/TT-CA về việc quy định việc tổ chức các Tòa chuyên trách tại Tòa án nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương, Tòa án nhân dân huyện, quận, thị xã, thành phố thuộc tỉnh và tương đương, trong đó có quy định các điều kiện về việc tổ chức thành lập Tòa chuyên trách (tại Tòa án cấp huyện và cấp tỉnh) và giải thể Tòa chuyên trách. Việc thành lập mới Tòa chuyên trách Tòa gia đình và người chưa thành niên từ Tòa án nhân dân cấp huyện đến Tòa án nhân dân cấp cao, và Tòa xử lý hành chính thuộc Tòa án nhân dân cấp huyện là cần thiết. Tuy nhiên, việc quy định giải thể Tòa chuyên trách là còn nhiều bất cập, theo đó các Tòa chuyên trách (đối với Tòa án nhân dân cấp huyện và cấp tỉnh) phải giải thể nếu số lượng giải quyết dưới 50 vụ/năm là chưa hợp lý, không phù hợp với tình hình thực tiễn hiện nay, nhất là đối với Tòa án nhân dân cấp tỉnh.

2.2.2.2. Nhiều quy định của pháp luật còn chưa có sự thống nhất.

Hiện nay, pháp luật về hợp đồng được điều chỉnh chủ yếu bởi hai nguồn luật, gồm Luật thương mại năm 2005 và Bộ luật dân sự năm 2015. Tuy nhiên trong

thực tiễn áp dụng đã xảy ra một số bất cập, chưa thống nhất; một số quy định về các chế tài trong hợp đồng mua bán hàng hóa như phạt vi phạm, bồi thường thiệt hại, hủy hợp đồng hay căn cứ miễn trách nhiệm do vi phạm hợp đồng còn chưa rõ, chưa cụ thể, gây khó khăn trong quá trình giải quyết tranh chấp giữa các bên như:

- Theo các quy định hiện nay thì việc phạt vi phạm chỉ được thực hiện nếu các bên có thỏa thuận trong hợp đồng, và phạt vi phạm không phải là chế tài mang tính bắt buộc áp dụng. Cần phải điều chỉnh xem phạt vi phạm là chế tài bắt buộc để thể hiện sự nghiêm minh của pháp luật, bảo vệ cho chủ thể bị xâm phạm quyền và nghĩa vụ, hạn chế các hành vi cố ý vi phạm hợp đồng dẫn đến thiệt hại về lợi ích kinh tế của các bên.

- Theo quy định hiện nay trong hợp đồng mua bán hàng hóa các bên có ghi về các điều khoản liên quan đến ngoại tệ khi các bên không có chức năng sử dụng ngoại hối trên lãnh thổ Việt Nam là vi phạm điều cấm, dẫn đến hợp đồng sẽ vô hiệu và các bên phải khôi phục lại tình trạng ban đầu. Việc quy định này là quá nghiêm khắc, không tạo điều kiện thuận lợi trong quá trình các bên thực hiện hợp đồng, trong một số trường hợp sẽ ảnh hưởng nghiêm trọng đến việc sản xuất kinh doanh của doanh nghiệp. Do đó cần có quy định hoặc hướng dẫn trong các trường hợp cụ thể thì hợp đồng sẽ không bị vô hiệu, nhằm bảo vệ các quyền lợi của các bên trong hợp đồng.

- Bộ luật dân sự năm 2015 ra đời có quy định nhiều điểm mới trong quan hệ hợp đồng, trong đó có quy định nội dung việc thực hiện hợp đồng khi hoàn cảnh thay đổi cơ bản. Đây là quy định mới mang tính nhân văn và hướng đến lẽ công bằng, phù hợp với các quy định trong thương mại và thông lệ quốc tế. Tuy nhiên việc luật đưa ra tình huống các bên phải thỏa thuận lại trong thời gian hợp lý mà không có quy định rõ cụ thể là thời gian bao nhiêu và việc không thực hiện đúng sẽ thiệt hại như thế nào để có cơ sở cụ thể giải quyết.

2.2.2.3. Những vướng mắc, bất cập về việc áp dụng các quy định của pháp luật về trình tự, thủ tục giải quyết tranh chấp hợp đồng mua bán.

- Việc không quy định Viện kiểm sát cấp trên có quyền thay đổi, bổ sung kháng nghị của cấp dưới là chưa hợp lý, chưa đảm bảo triệt để việc thực hiện kiểm sát tính tuân thủ pháp luật trong giai đoạn xét xử phúc thẩm.

- Trong xét xử tại Tòa cấp phúc thẩm, khi phát hiện cấp sơ thẩm do bỏ sót người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan thì xác định vi phạm nghiêm trọng thủ tục tố tụng và phải hủy án trong một số trường hợp là chưa thỏa đáng. Nếu việc xét xử tại cấp sơ thẩm về nội dung là đảm bảo quyền cho các đương sự, và đương sự không tham gia tại cấp sơ thẩm không khiếu nại, đồng ý với kết quả sơ thẩm và tham gia tại phiên tòa phúc thẩm thì cần đưa họ vào để giải quyết và không cần phải hủy án (nếu không vì các vi phạm về nội dung và tố tụng khác).

2.2.2.4. Vấn đề bổ nhiệm Thẩm phán, năng lực cán bộ, Thẩm phán còn nhiều hạn chế.

Thực trạng hiện nay thì việc bổ nhiệm chức danh Thẩm phán theo tiêu chuẩn chung, không có phân biệt Thẩm phán chuyên trách các lĩnh vực nhất là đối với án kinh tế. Chưa có quy hoạch đào tạo, hoặc bổ nhiệm các Thẩm phán có trình độ ngoại ngữ và am hiểu lĩnh vực kinh tế để bổ sung nguồn Thẩm phán giải quyết.

Việc quy định các chức danh như Thẩm tra viên, Thư ký khi nâng ngạch phải có yêu cầu về ngoại ngữ nhưng không đặt ra yêu cầu này đối với thi nâng ngạch Thẩm phán là bất cập.

Việc quy định Tòa án nhân dân cấp tỉnh có Thẩm phán sơ cấp nhưng không có quy định về nhiệm vụ quyền hạn để thực hiện nhiệm vụ tại Tòa án cấp tỉnh là bất cập.

2.2.2.5. Cơ sở vật chất chưa đáp ứng được nhu cầu thực tế xét xử.

Mặc dù trong thời gian qua, Tòa án nhân dân các cấp đã được nhà nước quan tâm, đầu tư cơ sở vật chất, trang thiết bị để phục vụ công tác theo yêu cầu Cải cách tư pháp được xác định tại Nghị quyết 49-NQ/TU của Bộ Chính trị. Ngày 28/7/2017 Tòa án nhân dân tối cao ban hành Thông tư số 01/2017/TT-TANDTC quy định về phòng xử án trong đó quy định về hình thức và các thiết bị liên quan để phục vụ công tác xét xử. Tuy nhiên, hiện nay vẫn còn nhiều Tòa án chưa được đầu tư mới, sửa chữa, các trang thiết bị còn lạc hậu, không đáp ứng với yêu cầu sử dụng. Một số Tòa án phải đi thuê mượn trụ sở hoạt động và xét xử làm ảnh hưởng đến hiệu quả công việc và mất tinh uy nghiêm của pháp luật.

2.2.2.6. Án lệ chưa nhiều ảnh hưởng đến hiệu quả áp dụng giải quyết các tranh chấp hợp đồng mua bán hàng hóa

Án lệ chính thức được thừa nhận trong hệ thống pháp luật Việt Nam là bước ngoặt lớn, đánh dấu sự đột phá trong quá trình cải cách tư pháp, nhằm thực hiện tốt hơn nhiệm vụ bảo vệ công lý, hướng tới xây dựng Tòa án thân thiện, gần dân, là chỗ dựa tin cậy của nhân dân và xã hội trong giai đoạn mới. Qua thực tiễn xét xử, có nhiều bản án trên toàn quốc đã áp dụng án lệ để xét xử các vụ việc có những tình huống tương tự, đảm bảo lẽ công bằng, bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho đương sự. Bên cạnh đó, thông qua các tình huống và phân tích giải pháp pháp lý của các án lệ, Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao đã ban hành các Nghị quyết để hướng dẫn áp dụng một số quy định của pháp luật về những quy định cụ thể có nhiều cách hiểu khác nhau, nhằm hướng dẫn áp dụng thống nhất pháp luật trong xét xử. Tuy nhiên chưa có nhiều án lệ về giải quyết tranh chấp hợp đồng mua bán hàng hóa nên có khó khăn trong việc giải quyết trong thực tiễn.

CHƯƠNG 3:
ĐỊNH HƯỚNG, GIẢI PHÁP HOÀN THIỆN PHÁP LUẬT VÀ
NÂNG CAO HIỆU QUẢ GIẢI QUYẾT TRANH CHẤP HỢP ĐỒNG
MUA BÁN HÀNG HOÁ THEO THỦ TỤC PHỨC THẨM TẠI
TOÀ ÁN NHÂN DÂN TỈNH THỪA THIÊN HUẾ.

3.1. Định hướng hoàn thiện pháp luật và nâng cao hiệu quả giải quyết tranh chấp hợp đồng mua bán hàng hóa theo thủ tục phúc thẩm tại tỉnh Thừa Thiên Huế

Việc đổi mới, hoàn thiện các quy định của pháp luật và nâng cao hiệu quả giải quyết tranh chấp hợp đồng mua bán hàng hóa theo thủ tục phúc thẩm cần đảm bảo các định hướng sau:

Thứ nhất, hoàn thiện pháp luật và nâng cao hiệu quả giải quyết tranh chấp hợp đồng mua bán hàng hóa theo thủ tục phúc thẩm tại tỉnh Thừa Thiên Huế phải phù hợp với quan điểm, đường lối của Đảng, chính sách của nhà nước và các yêu cầu thực tiễn.

Thứ hai, hoàn thiện pháp luật và nâng cao hiệu quả giải quyết tranh chấp hợp đồng mua bán hàng hóa theo thủ tục phúc thẩm tại tỉnh Thừa Thiên Huế phải đảm bảo tính đồng bộ, thống nhất giữa các quy định về hợp đồng mua bán hàng hóa và pháp luật về trình tự thủ tục giải quyết tranh chấp hợp đồng mua bán hàng hóa theo thủ tục phúc thẩm.

Thứ ba, hoàn thiện pháp luật phải đảm bảo xuất phát từ những yêu cầu mục tiêu về chiến lược xây dựng và hoàn thiện hệ thống pháp luật và Chiến lược cải cách tư pháp.

3.2. Giải pháp hoàn thiện pháp luật và nâng cao hiệu quả giải quyết đối với các tranh chấp hợp đồng mua bán hàng hóa theo thủ tục phúc thẩm tại Tòa án nhân dân Tỉnh Thừa Thiên Huế.

3.2.1. Giải pháp hoàn thiện pháp luật về giải quyết tranh chấp hợp đồng mua bán hàng hóa theo thủ tục phúc thẩm tại Tòa án

Một là, hoàn thiện pháp luật về hợp đồng mua bán hàng hóa:

Phạt vi phạm hợp đồng đều được quy định tại Luật thương mại và Bộ luật dân sự. Do tính chất hợp đồng mua bán hàng hóa thương mại là vì mục đích sinh lợi (khác với hợp đồng mua bán hàng hóa trong dân sự có thể có mục đích tiêu dùng hoặc không sinh lợi) do đó cần thiết phải quy định phạt vi phạm trong hợp đồng thương mại là một chế tài bắt buộc để các bên phải có trách nhiệm thực hiện đúng và đầy đủ các nội dung của hợp đồng, bảo đảm tính tích cực trong việc thực hiện hợp đồng, hạn chế các rủi ro thiệt hại kinh tế đối với bên thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ theo giao kết.

Cần có quy định theo hướng mở rộng một số trường hợp sử dụng ngoại hối trong hợp đồng mua bán hàng hóa không vi phạm điều cấm.

Cần phải sửa đổi, bổ sung Điều 420 Bộ luật dân sự, quy định về việc thực hiện hợp đồng khi hoàn cảnh thay đổi cơ bản, theo hướng quy định rõ chế tài ràng buộc bên không bị lợi ích ảnh hưởng phải thực hiện việc đàm phán, đồng thời cần xác định rõ về “*thời gian hợp lý*” để các bên thực hiện việc đàm phán. Nếu quá thời gian này, bên không bị lợi ích ảnh hưởng không thực hiện việc đàm phán theo

yêu cầu của bên có lợi ích bị ảnh hưởng, thì được xem là từ chối đàm phán và bên có lợi ích bị ảnh hưởng có quyền khởi kiện tại Tòa án.

Hai là, hoàn thiện về trình tự thủ tục giải quyết tranh chấp hợp đồng mua bán hàng hóa. Quá trình áp dụng luật hình thức (luật tố tụng) khi giải quyết các vụ việc theo thủ tục phúc thẩm đã xảy ra nhiều vướng mắc, bất cập như việc thay đổi, bổ sung kháng nghị phúc thẩm, việc xác định vi phạm nghiêm trọng thủ tục tố tụng dẫn đến hủy án sơ thẩm trong một số trường hợp vẫn chưa thống nhất, do đó cần phải hoàn thiện các quy định cụ thể sau: Cần quy định theo hướng Viện kiểm sát tham gia phiên tòa phúc thẩm có quyền sửa đổi, bổ sung kháng nghị đối với kháng nghị của Viện kiểm sát cấp sơ thẩm và phúc thẩm; Cần quy định không hạn chế phạm vi giới hạn sửa đổi, bổ sung kháng nghị của Viện kiểm sát phúc thẩm. Viện kiểm sát có quyền sửa đổi, bổ sung kháng nghị không giới hạn phạm vi ban đầu nhằm để giải quyết vụ án đúng quy định của pháp luật.

Về vấn đề cấp sơ thẩm bỏ sót người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan trong vụ án, Tòa án nhân dân tối cao cần có hướng dẫn cụ thể các trường hợp mặc dù cấp sơ thẩm bỏ sót người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan, nhưng khi cấp phúc thẩm triệu tập làm việc, người này không khiếu nại gì đối với bản án sơ thẩm, và đồng ý tham gia tố tụng tại cấp phúc thẩm, nếu việc xét xử phúc thẩm là đảm bảo quyền và nghĩa vụ của họ thì không xem thuộc trường hợp vi phạm nghiêm trọng thủ tục tố tụng để hủy án sơ thẩm, nhằm đảm bảo quyền lợi của các đương sự, tránh việc hủy án phải giải quyết lại theo thủ tục sơ thẩm là mất thời gian và không cần thiết.

3.2.2. Giải pháp về nâng cao hiệu quả tổ chức, thực hiện pháp luật về giải quyết tranh chấp hợp đồng mua bán hàng hóa tại Tòa án

3.2.2.1. Giải pháp chung

Về đổi mới tổ chức và hoạt động hệ thống Tòa án:

Thứ nhất, cần kiến nghị thành lập lại Tòa kinh tế chung trên toàn quốc đối với các Tòa kinh tế đã bị giải thể theo Thông tư số 01/2016/TT-CA, ngày 21/01/2016 về việc quy định việc tổ chức các Tòa chuyên trách tại Tòa án nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương, Tòa án nhân dân huyện, quận, thị xã, thành phố thuộc tỉnh và tương đương.

Thứ hai, nâng cao trình độ, năng lực của Thẩm phán. Thẩm phán là người có vai trò quyết định trong việc cho ra một bản án có giá trị pháp lý cao.

Thứ ba, cần có nhiều án lệ để áp dụng trong các trường hợp pháp luật chưa có quy định hoặc chưa quy định rõ, nhất là các án lệ về tranh chấp hợp đồng mua bán hàng hóa

Thứ tư, cần tăng cường cơ sở vật chất cho Tòa án nhân dân, xây dựng trụ sở mới đối với các Tòa án chưa có trụ sở làm việc, trang bị các thiết bị để phục vụ công tác đảm bảo hiệu quả, phục vụ nhiệm vụ chính trị được giao.

3.2.2.2. Giải pháp cho Tòa án nhân dân tỉnh Thừa Thiên Huế

Một là, tiếp tục đổi mới tổ chức và hoạt động của Tòa án nhân dân tỉnh Thừa Thiên Huế, cần kiến nghị Tòa án nhân dân tối cao về việc thành lập lại Tòa kinh tế thuộc Tòa án nhân dân tỉnh Thừa Thiên Huế. Có kế hoạch quy hoạch, đào tạo đối với Thẩm tra viên, Thư ký về trình độ ngoại ngữ và kiến thức về kinh tế quốc tế để tạo nguồn bổ sung đối với Thẩm phán xét xử các loại án về kinh doanh thương mại trong giai đoạn hiện nay.

Hai là, thường xuyên nâng cao năng lực của Thẩm phán. Ban cán sự Đảng, Ban lãnh đạo Tòa án nhân dân tỉnh Thừa Thiên Huế cần thường xuyên quan tâm rèn luyện, bồi dưỡng về chính trị, tư tưởng và chuyên môn nghiệp vụ đối với các Thẩm phán, tạo điều kiện để Thẩm phán được đi đào tạo, bồi dưỡng về chính trị và chuyên môn nghiệp vụ; tăng cường tổ chức rút kinh nghiệm xét xử, tập huấn nghiệp vụ nhất là đối với các vụ án liên quan đến tranh chấp hợp đồng mua bán hàng hóa để ngày càng nâng cao chất lượng xét xử, áp dụng thống nhất pháp luật góp phần ổn định nền kinh tế, quốc phòng và an ninh, phục vụ nhiệm vụ chính trị tại địa phương.

Ba là, cần tăng cường về cơ sở vật chất đối với Tòa án nhân dân tỉnh Thừa Thiên Huế. Khoản trưng xây dựng trụ sở làm việc mới đối với Tòa án nhân dân tỉnh Thừa Thiên Huế.

PHẦN KẾT LUẬN

Hợp đồng mua bán hàng hóa trong quan hệ kinh doanh thương mại là sự thỏa thuận giữa các bên, theo đó bên bán chuyển quyền sở hữu hàng hóa cho bên mua và bên mua trả tiền cho bên bán. Việc mua bán được thực hiện trên cơ sở ý chí tự nguyện của các bên và đều có mục đích lợi nhuận. Do đó, giải quyết các tranh chấp liên quan đến hợp đồng mua bán hàng hóa tại Tòa án có vai trò quan trọng nhằm đảm bảo lợi ích hợp pháp cho các bên, đảm bảo quan hệ kinh doanh mua bán được điều chỉnh dưới hành lang pháp lý, góp phần ổn định kinh tế đất nước. Xét xử tranh chấp hợp đồng mua bán hàng hóa theo thủ tục phúc thẩm là thủ tục xem xét lại phần bản án cấp sơ thẩm, quyết định của Tòa án cấp sơ thẩm có kháng cáo, kháng nghị hoặc có liên quan đến việc xem xét nội dung kháng cáo, kháng nghị.

Mặc dù trong thời gian qua, Đảng và nhà nước và hệ thống Tòa án nhân dân đã có nhiều quan tâm, nỗ lực trong việc xây dựng và ban hành nhiều đạo luật và các văn bản quy phạm pháp luật để điều chỉnh các quan hệ mua bán hàng hóa và trình tự, thủ tục để giải quyết các tranh chấp, góp phần đảm bảo lợi ích kinh tế của các bên và hiệu quả của vai trò quản lý nhà nước. Tuy nhiên, trước tình hình diễn biến kinh tế hiện nay, những tranh chấp về hợp đồng mua bán hàng hóa ngày càng diễn ra càng nhiều và phức tạp, một số quy phạm chưa điều chỉnh kịp thời dẫn đến các đương sự khởi kiện và Tòa án phải giải quyết, xét xử sơ thẩm và phúc thẩm. Trong quá trình xét xử theo thủ tục tại Tòa án nhân dân tỉnh Thừa Thiên Huế, đã có nhiều khó khăn, hạn chế trong việc thực hiện nhiệm vụ xét xử.

Việc dẫn đến những tồn tại, hạn chế ngoài những nguyên nhân chủ quan như năng lực, trình độ chuyên môn nghiệp vụ của một bộ phận Thẩm phán, Thư ký còn hạn chế, chưa chịu khó học tập nâng cao trình độ chuyên môn, ngoại ngữ, tin học để đáp ứng yêu cầu mới... Còn tồn tại những nguyên nhân khách quan như: Một số quy định về hợp đồng mua bán hàng hóa và trình tự thủ tục giải quyết các tranh chấp hợp đồng mua bán hàng hóa theo thủ tục phiên tòa còn bất cập, chưa rõ ràng, chưa có các văn bản hướng dẫn hoặc án lệ để áp dụng thống nhất pháp luật; tiêu chí giải thể các Tòa kinh tế chưa phù hợp; bất cập từ đào tạo, tiêu chuẩn của Thẩm phán trung cấp; cơ sở vật chất của Tòa án chưa đảm bảo...đây là các nguyên nhân chính dẫn đến hiệu quả của công tác giải quyết, xét xử tranh chấp hợp đồng mua bán hàng hóa theo thủ tục phúc thẩm trên địa bàn Tòa án nhân dân tỉnh Thừa Thiên Huế.

Chính vì vậy, tác giả đã mạnh dạn nghiên cứu đề tài “*Giải quyết tranh chấp hợp đồng mua bán hàng hoá theo thủ tục phúc thẩm tại Tòa án nhân dân tỉnh Thừa Thiên Huế*” với hi vọng thông qua luận văn này, bản thân có cơ hội tìm hiểu sâu hơn các vấn đề đã nghiên cứu đề bổ sung vào kiến thức, kinh nghiệm trong quá làm việc; đồng thời thông qua đó góp ý, đề xuất một số nội dung về hoàn thiện pháp luật liên quan, một số cơ chế, chính sách đối với Thẩm phán, cơ cấu tổ chức và cơ sở vật chất đối với Tòa án, góp phần nâng cao hiệu quả hoạt động và xét xử theo thủ tục phúc thẩm của Tòa án nhân dân tỉnh Thừa Thiên Huế nói riêng và hệ thống Tòa án nhân dân, nhằm hướng đến đến mục tiêu bảo vệ pháp chế xã hội chủ nghĩa, bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của Nhân dân./.